

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **769/2020/DSPT**

Ngày: 17/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Thơ

Bà Phạm Thị Thu Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự P thẩm thụ lý số 213/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 498/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3628/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **HỒ H V**

Địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo: Ông Nguyễn Văn N (Có mặt)

(Giấy uỷ quyền ngày 27 tháng 3 năm 2019 lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp)

Địa chỉ: 373/24/16 đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà The World Center, số 46-48-50 đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: - Ông V (Có mặt)

- Ông Lê Cao L (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Kim T (Có mặt)

(Giấy uỷ quyền số 002/2020/UQ-CT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tổng Giám đốc)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T (chết năm 2018).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T:

1. Bà Huỳnh Nữ H (Vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Huỳnh Diễm P (Vắng mặt)
3. Bà Nguyễn Thị Phước H (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 149/B tổ 2, ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn Thị L (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TC, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt án sơ thẩm

Ông Hồ H V có đại diện trình bày: Ngày 10/9/2017, ông Hồ H V có mua bảo hiểm bắt buộc về tai nạn dân sự cho xe mô tô, xe gắn máy của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam (gọi tắt là Công ty) với mức phí bảo hiểm là 60.000 đồng/năm cho chiếc xe gắn máy mang biển số 66C1-104.96 do Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028970 ngày 06/8/2014.

Ông V có Giấy phép lái xe số AS729065 hạng A1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/9/2011 không thời hạn.

Lúc 20 giờ 30 phút ngày 04/4/2018, ông V không may va chạm giao thông tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp làm nạn nhân là ông Nguyễn Văn T chết. Công an huyện C, Đồng Tháp đã có kết luận vụ tai nạn giao thông và không khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 09/4/2018, ông V lập các thủ tục yêu cầu Công ty thực hiện việc bồi thường tai nạn giao thông đã gây ra cho bên thứ ba và được Công ty cấp Thông báo bổ sung chứng từ bảo hiểm ghi ngày 09/4/2018 (Biên nhận hồ sơ).

Từ ngày nộp hồ sơ đề nghị bồi thường bảo hiểm đến nay Công ty không thanh toán bảo hiểm cho ông V.

Thông qua đại diện, ông V được trả lời bằng Văn bản số 0140/2018-VP2/VP2 ngày 09/11/2018 từ chối thanh toán bảo hiểm.

Ông V mua bảo hiểm bắt buộc là theo quy định pháp luật tại thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính về Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (Thông tư 22/2016/TT-BTC) tại Điều 9 về Mức trách nhiệm bảo hiểm như sau: “...*Mức trách nhiệm bảo hiểm là số tiền tối đa doanh nghiệp bảo hiểm có thể phải trả đối với thiệt hại về thân thể, tính mạng và tài sản của bên thứ ba và hành khách do xe cơ giới gây ra trong mỗi vụ tai nạn xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm. Cụ thể như sau:*

Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với thiệt hại về người do xe cơ giới gây ra là 100.000.000 đồng/01 người/1 vụ tai nạn...”

Ông V không thuộc các trường hợp không được bồi thường bảo hiểm theo

Điều 12 của Thông tư 22/2016/TT-BTC nên Công ty không bồi thường là sai.

Điều 15 Thông tư số 22/2016/TT-BTC quy định thời hạn bảo hiểm 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ bồi thường. Ông V nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường ngày 09/4/2018 thì ngày bồi thường cuối cùng được xác định theo luật ngày 24/4/2018. Từ ngày 25/4/2018 trở đi được xác định là ngày Công ty vi phạm nghĩa vụ bồi thường nên phải trả lãi chậm thanh toán theo Bộ luật dân sự.

Ông V khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền bảo hiểm bắt buộc là 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 25/4/2018 đến ngày khởi kiện 18/12/2018 là 6.521.200 đồng. Tổng cộng tiền bồi thường là 106.521.200 đồng.

Ngày 27/8/2019, do bị đơn đã thanh toán 50.000.000 đồng tiền bảo hiểm vào ngày 07/6/2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán 50.000.000 đồng tiền bảo hiểm. Yêu cầu khởi kiện được xác định lại buộc bị đơn thanh toán số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng còn lại và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 25/4/2018 đến ngày khởi kiện 18/12/2018 là: 6.521.200 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam, có bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự của chủ xe cơ giới số CI17CA0114606, thời hạn bảo hiểm đúng như ông V trình bày.

Ngày 09/04/2018, Công ty nhận được thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường xe cơ giới của ông Hồ H V về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm. Cụ thể như sau:

“Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/04/2018 lái xe Hồ H V điều khiển xe 66C1-104.96 đi từ thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đến thành phố Vĩnh Long thì va chạm với xe tự chế do ông Nguyễn Văn T đang đẩy từ lề phải sang lề trái theo hướng đi của xe mô tô. Hậu quả, ông T chấn thương vùng đầu và tử vong tại bệnh viện Chợ Rẫy - TP HCM.”

Sau khi nhận được Thông báo của ông V, Công ty đã hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ bảo hiểm và phối hợp với ông V thu thập hồ sơ công an giải quyết tai nạn. Công ty cũng thực hiện xác minh Giấy phép lái xe của ông Hồ H V tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long.

Theo hồ sơ vụ việc, tại Báo cáo đề xuất số 86/BC-ĐX ngày 06/6/2018 của Đội điều tra Tổng hợp - Công an huyện C thì ông V và gia đình nạn nhân cũng đã thỏa thuận thống nhất về việc “...gia đình Ông V đã đưa trước 60.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng mỗi tháng đưa 1.000.000 đồng...”. Để đầy đủ hồ sơ giải quyết bồi thường, Công ty đã yêu cầu ông V cung cấp biên nhận về việc nhận tiền của hai bên, tuy nhiên đến nay ông V vẫn chưa cung cấp Biên nhận này.

Ngày 25/10/2018, Văn phòng Luật sư Nguyễn N gửi văn bản số 12/VT-NN yêu cầu Công ty thanh toán bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự cho ông Hồ H V. Công ty đã phản hồi cho Văn phòng Luật sư về việc ông V chưa cung cấp được biên nhận, đã bồi thường cho gia đình nạn nhân, vì vậy Công ty chưa đủ cơ sở để trả tiền bảo hiểm cho ông V.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính, thì:

“...Khi tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho chủ xe cơ giới số tiền mà chủ xe cơ giới đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

Trường hợp chủ xe cơ giới chết hoặc bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường trực tiếp cho người bị thiệt hại...”

Như vậy, đối với trường hợp của ông V, Công ty đã đề nghị cung cấp Biên nhận xác nhận về việc đã bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 60.000.000 đồng nhưng ông V đã không cung cấp. Công ty thừa nhận trách nhiệm đối với Hợp đồng bảo hiểm đã giao kết với ông V, tuy nhiên trách nhiệm trả tiền bảo hiểm của Công ty chỉ giới hạn tại số tiền mà ông V đã bồi thường cho người bị thiệt hại.

Ngoài ra, số tiền 40.000.000 đồng còn lại ông V vẫn chưa cung cấp bất kỳ chứng cứ nào chứng minh việc ông V đã chuyển tiền cho bà H - con gái ông Nguyễn Văn T như đã cam kết trong Biên bản tự thỏa thuận dân sự ngày 06/6/2018.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V về việc yêu cầu buộc thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cùng với lãi chậm thanh toán, Công ty có ý kiến như sau:

Công ty chỉ đồng ý thanh toán số tiền thực tế mà ông V đã bồi thường cho gia đình nạn nhân ngay sau khi ông V cung cấp bằng chứng chứng minh việc ông V đã bồi thường. Công ty không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán 6.521.200 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2019 đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Nữ H và bà Nguyễn Thị Phước H của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp thể hiện:

Bà H và chị H là vợ và con ruột của ông Nguyễn Văn T. Ông T có những người thừa kế như sau: vợ là Huỳnh Nữ H, 03 người con là: Nguyễn Thị L (đã lấy chồng vào năm 2001 tách khẩu về thành phố C, tỉnh Đồng Tháp), Nguyễn Thị Phước H, Nguyễn Huỳnh Thúy Diễm. Về cha mẹ ông T đã chết từ lâu bà không rõ ngày tháng năm mất. Trước đây bà có thỏa thuận vào ngày 06/5/2018 với ông Hồ H V số tiền bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng, ông V đã giao 60.000.000 đồng, số tiền 40.000.000 đồng ông V giao mỗi tháng 1.000.000 đồng, số tiền ông V đưa đến nay bao nhiêu bà không nhớ rõ khoảng 15 tháng.

Ngoài ra hai bên không có thỏa thuận thêm nào khác, ông V giao cho bà H hoặc chị H hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng đưa trực tiếp không có ghi biên nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V đối với công ty thì bà và bà H không có ý kiến gì cũng như không có yêu cầu độc lập

Về việc có mặt tham gia trong quá trình tố tụng tại Tòa án thì khi nhận thông báo, quyết định của Tòa án bà H, chị H có văn bản ý kiến trả lời sau.

Về tài liệu, chứng cứ do Tòa án nhân dân Quận 1 yêu cầu cung cấp bà H và bà H không cung cấp được.

Bà H và bà H xác nhận ông V thực hiện tốt thỏa thuận ngày 06/5/2018 tại Công an huyện C đã giao số tiền 60.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2019 đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L của Tòa án nhân dân Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thể hiện:

Ông T và bà H có 03 người con gồm có bà L, bà Nguyễn Huỳnh Diễm P và bà Nguyễn Thị Phước H. Bà xác nhận việc gia đình bà đã thỏa thuận với ông V và đã nhận khoản tiền 60.000.000 đồng và khoản 40.000.000 đồng chi phí ăn học cho bà H còn lại đưa hàng tháng 1.000.000 đồng bắt đầu thực hiện từ ngày 15/5/2018 đến nay.

Nay bà không có yêu cầu và tranh chấp gì trong vụ án này cũng như không giao nộp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Chị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 498/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận 1 đã xử:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H V buộc Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam bồi thường số tiền bảo hiểm là 50.000.000 đồng

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H V yêu cầu buộc Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam tiếp tục bồi thường số tiền bảo hiểm là 50.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H V yêu cầu buộc Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam phải trả tiền lãi trên số tiền bồi thường bảo hiểm chậm trả là 5.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự

Ngày 09/12/2019, ông V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo đồng thời là nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không kháng cáo án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Xác định lỗi hoàn toàn của bên thứ ba và theo quy định bồi thường 50% mức bảo hiểm tối đa, bằng 50.000.000 đồng, việc tính lãi chậm trả theo án sơ thẩm là đúng. đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền bảo hiểm là 50.000.000 đồng

Theo thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn xác định hai bên đã xác lập hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng đang có hiệu lực.

Quá trình tố tụng, các đương sự xác nhận sự kiện bảo hiểm đã xảy ra; nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền bảo hiểm là 100.000.000 đồng; bị đơn xác nhận trách nhiệm bảo hiểm và đã thực hiện bồi thường cho nguyên đơn 50.000.000 đồng; nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu bị đơn tiếp tục bồi thường bảo hiểm số tiền 50.000.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Mục A Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư 22/2016/TT-BTC quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (Thông tư 22/2016/TT-BTC) ban hành ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính thì trường hợp có chết người giải quyết bồi thường là 100.000.000 đồng;

Theo nội dung kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông tại các văn bản do Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp ban hành gồm Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 13/QĐ-CQCSĐT ngày 06 tháng 6 năm 2018; Văn bản số 209/CAH-CSGT ngày 29 tháng 3 năm 2019 gửi Tòa án; Văn bản số 274/CAH-CSGT ngày 28 tháng 4 năm 2019 gửi bị đơn xác định: "...vụ tai nạn trên lỗi hoàn toàn do ông Nguyễn Văn T đẩy xe tự chế qua đường không đảm bảo an toàn...".

Quy định tại Điều 53 về trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, Điều 55 về giới hạn trách nhiệm bảo hiểm Luật Kinh doanh bảo hiểm; Khoản 3 Điều 14 Nghị định 103/2008/NĐ-CP; điểm a Khoản 3 Điều 13 Thông tư 22/2016/TT-BTC thì: "...Đối với vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của bên thứ ba thì mức bồi thường bảo hiểm về người đối với các đối tượng thuộc bên thứ ba bằng 50% mức bồi thường quy định Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này...."

Ngày 07/6/2019, bị đơn xác nhận trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán bồi thường bảo hiểm số tiền là 50.000.000 đồng cho nguyên đơn là thực hiện đúng nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm theo quy định pháp luật.

[2] Xét: Nguyên đơn căn cứ báo cáo đề xuất của cơ quan Điều tra công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp ngày 10/6/2018 thể hiện: “...*Lỗi vi phạm của các bên có liên quan: Hồ Hoàn V điều khiển xe mô tô mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá quy định (108.8 mg/100 ml máu, kết quả của phòng PC54, Công an tỉnh Đồng Tháp...*” cho rằng nguyên nhân tai nạn có lỗi hỗn hợp là không có cơ sở, bởi lẽ nội dung báo cáo đã thể hiện nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn được xác định: “...*Do Nguyễn Văn T đẩy xe tự chế qua đường không đảm bảo an toàn...*”; Văn bản số 274/CAH-CSGT ngày 28 tháng 4 năm 2019 đã xác định rõ nguyên nhân tai nạn là lỗi hoàn toàn do ông T gây ra và Cơ quan điều tra cũng không khởi tố vụ án hình sự đối với ông V

Án sơ thẩm xử có căn cứ

[3]. Về lãi chậm trả:

Ngày 04/4/2018, xe gắn máy biển số 66C1-104.96 do nguyên đơn điều khiển xảy ra tai nạn dẫn đến hậu quả là ông Nguyễn Văn T tử vong. Ngày 09/4/2018, Nguyên đơn đã tiến hành gửi thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường cùng các tài liệu quy định trong hồ sơ bồi thường cho bị đơn là thực hiện đúng quy định về thời hạn thông báo theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Nghị định 103/2008/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 15 Thông tư 22/2016/TT-BTC.

Tại phiên tòa, bị đơn xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ hồ sơ bảo hiểm gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm, Giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe đã hoàn thành trách nhiệm giao nộp hồ sơ bảo hiểm của chủ xe cơ giới.

Phía Công ty xác nhận không có cơ sở xác định được thời điểm yêu cầu và nhận từ Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp tài liệu liên quan đến vụ tai nạn nên xác định thời điểm nhận được hồ sơ tài liệu vào ngày 06/6/2018 là bản sao bao gồm: trích lục khai tử đề ngày 01/6/2018 của ông T, đơn bãi nại, biên bản tự thỏa thuận dân sự ngày 06/5/2018, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn, báo cáo đề xuất ngày 06/6/2018, biên bản tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông, biên bản vụ tai nạn giao thông, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông. Công ty không thực hiện việc thông báo cho nguyên đơn số tiền bồi thường thiệt hại về người và thanh toán số tiền bồi thường kịp thời theo đúng mức bồi thường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư 22/2016/TT-BTC.

Sau ngày 06/6/2018, Công ty trình bày phải tiến hành xác minh đối với giấy phép lái xe của ông V và yêu cầu ông V thực hiện việc cung cấp biên nhận tiền bồi thường của gia đình bị hại mới tiến hành bồi thường là không có cơ sở

chấp nhận bởi lẽ nội dung yêu cầu trên của bị đơn không thuộc danh mục hồ sơ yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm của ông V, theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Khoản 7 Nghị định 103/2008/NĐ-CP; Điều 8, Điều 9 Thông tư 22/2016/TT-BTC. Do đó, Công ty phải có nghĩa vụ trả lãi chậm trả cho nguyên đơn trên số tiền bảo hiểm chậm trả thuộc trách nhiệm bồi thường của bị đơn là 50.000.000 đồng kể từ ngày 06/6/2018 theo mức lãi suất 10%/năm (quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự) đến ngày 07/6/2019 (ngày bị đơn thực hiện xong việc chuyển khoản bồi thường số tiền bảo hiểm cho nguyên đơn) nên tiền lãi cần được tính lại là:

- 50.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm = 5.000.000 đồng.

Án sơ thẩm xử đúng.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm án sơ thẩm căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 là đúng. Nên giữ nguyên án sơ thẩm

Án phí dân sự P thẩm: người kháng cáo phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; cùng các điều luật đã viện dẫn;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H V buộc Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam bồi thường số tiền bảo hiểm là 50.000.000 đồng

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H V yêu cầu buộc Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam tiếp tục bồi thường số tiền bảo hiểm là 50.000.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H V yêu cầu buộc Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam phải trả tiền lãi trên số tiền bồi thường bảo hiểm chậm trả là 5.000.000 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng. Ông Hồ H V phải chịu 2.925.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.663.030 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007165 ngày 26 tháng 02

năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 261.970 đồng.

Án phí dân sự P thẩm: ông Hồ H V phải chịu 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí theo phiếu thu số AA/2019/0005471 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án P thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TAND Quận 1 ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu

